

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định nội dung và mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành thi hành Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Công văn số 72/TC-VPHĐBCQG ngày 03/02/2016 của Văn phòng Hội đồng Bầu cử Quốc gia về việc lập dự toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Công văn số 103/CV-HĐND ngày 18/3/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định nội dung và mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định nội dung và mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, với những nội dung chính như sau:

1. Nội dung chi:

Bao gồm các nội dung chi cho công tác phục vụ bầu cử quy định tại Điều 2, Điều 4 Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính.

2. Nội dung chi, mức chi cụ thể phục vụ bầu cử: (Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

* Mức chi quy định tại văn bản này là mức chi tối đa, tùy theo nguồn kinh phí được hỗ trợ của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối của ngân sách từng cấp mà các cấp ngân sách quyết định mức chi của cấp mình cho phù hợp, đảm bảo đúng quy định và theo nguyên tắc: Không vượt mức chi tối đa, đảm bảo đủ điều kiện cho công tác phục vụ bầu cử, tiết kiệm, hiệu quả và đúng pháp luật.

3. Nguồn kinh phí: Kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 do ngân sách Trung ương đảm bảo một phần và ngân sách các cấp (Bao gồm cấp tỉnh, huyện và xã). Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của cấp mình; Chủ tịch Ủy ban bầu cử thống nhất với Chủ tịch UBND, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung kinh phí bầu cử theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành.

4.2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp quyết toán kinh phí bầu cử toàn tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định và hướng dẫn tại Thông tư số 06//2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ủy ban bầu cử các cấp, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, các đơn vị, các địa phương căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện.

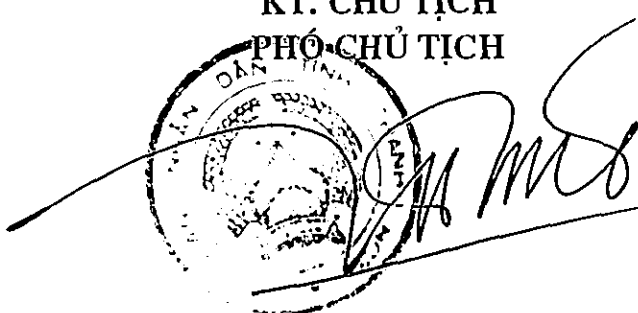
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban Bầu cử các cấp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Ủy ban Bầu cử Trung ương (để báo cáo);
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201653 (35).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ biểu:

**MỨC CHI CỤ THỂ MỘT SỐ NỘI DUNG CHI PHỤC VỤ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV
VÀ ĐẠI BIỂU HÒNGD CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021**

(Kèm theo Quyết định số 1054 /QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung chi	Mức chi (1.000 đồng)		Tỷ lệ mức chi của địa phương/Trung ương (%)	Ghi chú
		Mức chi theo Thông tư số 06/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính	Mức chi tối đa cho các cấp (tỉnh, huyện, xã)		
I	Chi tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử				
1	Chi xây dựng văn bản của các cấp chính quyền và các tổ chức bầu cử các cấp				
-	Loại báo cáo: Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử tại địa phương	2.000/báo cáo	1.000/báo cáo	50	
2	Chi in ấn tài liệu				
-	Mức chi theo số lượng và đơn giá được Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh phê duyệt (UB bầu cử tỉnh thực hiện)				
II	Chi tổ chức hội nghị				
1	Chi thuê hội trường, trang trí... thanh toán theo thực tế phát sinh và chế độ quy định				
2	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương ngân sách	180/người/ngày	180/người/ngày	100	
3	Chi nước uống	15/người/buổi	15/người/buổi	100	
III	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
1	Các cuộc họp của UB bầu cử, Ban BC, đoàn Chủ tịch UBTWMTTQVN				
-	Chi chủ trì cuộc họp	200/người/buổi	150/người/buổi	75	
-	Thành viên tham dự	100/người/buổi	80/người/buổi	80	
-	Các đối tượng phục vụ	50/người/buổi	40/người/buổi	80	
2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
-	Chi chủ trì cuộc họp	150/người/buổi	100/người/buổi	67	
-	Thành viên tham dự	80/người/buổi	60/người/buổi	75	
-	Các đối tượng phục vụ	50/người/buổi	40/người/buổi	80	
IV	Chi công tác phí				

Handwritten signature

		Mức chi (1.000 đồng)		Tỷ lệ mức chi	
1	Thanh toán tiền tự túc phương tiện đi công tác		Theo giá vé loại phương tiện đi hoặc đơn giá thuê xe quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan		
2	Phụ cấp lưu trú				
-	Đi công tác trong tỉnh và ngoài tỉnh:	180/người/ngày	180/người/ngày	100	
3	Thanh toán tiền thuê chỗ ở tại nơi đến công tác				
3,1	Cán bộ có hệ số phụ cấp từ 1,25 trở lên				
-	Tại các thành phố thuộc đô thị loại 1	1.400/người/ngày	1.400/người/ngày	100	
-	Tại tỉnh, thành phố khác	1.200/người/ngày	1.200/người/ngày	100	
3,2	Cán bộ có hệ số phụ cấp từ 1,0 đến dưới 1,25				
-	Tại các thành phố thuộc đô thị loại 1	1.000/người/ngày	1.000/người/ngày	100	
-	Tại tỉnh, thành phố khác	700/người/ngày	700/người/ngày	100	
3,3	Cán bộ còn lại (tiêu chuẩn 2 người/phòng)				
-	Tại các thành phố thuộc đô thị loại 1	900/người/ngày	900/người/ngày	100	
-	Tại tỉnh, thành phố khác	600/người/ngày	600/người/ngày	100	
V	Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau: (Thời gian theo thực tế nhưng tối đa không quá 5 tháng/người. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).				
-	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử	2.000/người/tháng	1.500/người/tháng	75	
-	Ủy viên Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử	1.800/người/tháng	1.200/người/tháng	67	
-	Ủy viên ban bầu cử	1.500/người/tháng	1.000/người/tháng	67	

KLM

		Mức chi (1.000 đồng)		Tỷ lệ mức chi	
-	Bồi dưỡng cho các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử) mức bồi dưỡng không quá 100.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp việc tiếp dẫn và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử; trường hợp thời gian huy động, trung tập tiếp tục phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng)	100/người/ngày	80/người/ngày	80	
-	Riêng 02 ngày (trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) chi bồi dưỡng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử.	120/người/ngày	100/người/ngày	83	
2	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho các đối tượng sau: (Thời gian theo thực tế nhưng tối đa không quá 5 tháng/người)				
-	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử	400/người/tháng	300/người/tháng	75	
-	Ủy viên Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban bầu cử	300/người/tháng	250/người/tháng	83	
-	Ủy viên ban bầu cử	200/người/tháng	150/người/tháng	75	
VI	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử				
1	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại mục IV, các đoàn được chi như sau:				
-	Trưởng đoàn giám sát	200/người/buổi	150/người/buổi	75	
-	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	100/người/buổi	80/người/buổi	80	
-	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	80/người/buổi	60/người/buổi	75	
-	Người phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	50/người/buổi	40/người/buổi	80	
2	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
-	Loại báo cáo: Báo cáo tổng hợp kết quả từng đoàn công tác, báo cáo tổng hợp kết quả của các đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình HĐND, Ủy ban bầu cử tỉnh	2.500/báo cáo	1.200/báo cáo	48	
VII	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
1	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	80/người/buổi	60/người/buổi	75	
2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	60/người/buổi	40/người/buổi	67	
3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50/người/buổi	30/người/buổi	60	

Khánh